TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HS-ST
Ngày 31 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đường Ngọc Đại

Ông Vũ Tiến Lực

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà*:** Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại hội trường Ủy ban nhân dân phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2020/TLST- HS ngày 03 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức S (tên gọi khác T), sinh năm 1983 tại: Phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Phường N, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Văn N và bà Vũ Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H1và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 09/12/2008 bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; án phí 50.000 đồng; ra trại ngày 30/8/2009; đã chấp hành xong án phí ngày 22/4/2009. Đã được xóa án tích.

Ngày 30/12/2010 bị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; án phí 200.000 đồn; ra trại ngày 24/12/2012; đã chấp hành xong án phí ngày 21/9/2012. Đã được xóa án tích.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

Người làm chứng:

- Anh Đặng Thanh H2, sinh năm 1992, (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Viết T1, sinh năm 1972, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 31/12/2019 Nguyễn Đức S đang ở nhà thì điện thoại cho một người đàn ông (không rõ danh tính, tên tuổi địa chỉ cụ thể) và nói "Để cho em cái", ý hỏi mua ma túy heroine với giá 300.000 đồng thì người đàn ông trên đồng ý và hẹng gặp trước cổng nhà nghỉ B thuộc phường C, thành phố Y. Khoảng 12 giờ 35 phút cùng ngày S đi bộ ra đầu đường và thuê xe ôm của một người đàn ông lạ mặt, không rõ tên tuổi, địa chỉ và biển số xe đi đến chỗ hẹn. Khi đến nơi, S nhìn thấy người đàn ông bán ma túy đứng đợi sẵn ở đó, S tiến lại gần đưa 300.000đồng cho người đàn ông trên với mục đích mua ma túy, người đàn ông cầm tiền và chỉ tay về phía gốc cây cách đó 3m và bảo ma túy ở gốc cây, S đi đến cầm ma túy ở lòng bàn tay trái rồi đi bộ về để sử dụng ma túy, khi đi được khoảng 4m thì bị Công an phường Tiền Châu, thành phố Phúc Yên đến kiểm tra phát hiện bắt giữ S có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

Thu giữ của S gồm: Thu tại lòng bàn tay trái 01 gói nilon màu trắng bên trong có gói giấy bạc chứa các cục bột màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1 (S tự khai đó là gói ma túy heroine vừa mua để sử dụng); 01 điện thoại di động Vertu Trung Quốc màu vàng đen, đã cũ.

Tại bản kết luận giám định số: 37/KLGĐ ngày 04/1/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định và kết luận "Chất cục, bột màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi gám định là ma túy lẫn tạp chất, loại heroine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,2896gam, không kể bao bì. Khối lượng heroine có trong 0,2896gam mẫu là 0,0962gam.

Cơ quan giám định hoàn lại mẫu vật A1= 0,1383gam cùng toàn bộ bao gói.

Đối với người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ là người bán ma túy cho S ngày 31/12/2019. Quá trình điều tra đến nay không xác định được danh tính, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 44/CT - VKSPY ngày 01 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Nguyễn Đức S (tên gọi khác T) về tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức S (tên gọi khác T) về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S (tên gọi khác T) từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy mẫu trả A1 = 0,1383 gam và toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn lại; Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Vertu Trung Quốc màu vàng đen, đã cũ.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đức S (tên gọi khác T) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến bổ sung gì khác và không có ý kiến tham gia tranh luận.

Bị cáo S nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo được sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp

với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với vật chứng của vụ án; phù hợp lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 31/12/2019, tại khu vực phường C, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyễn Đức S có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại heroine có khối lượng 0,2896 gam với mục đích để sử dụng thì bị công an thành phố Phúc Yên bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo đã 02 lần bị kết án, một lần về tội "Cướp giật tài sản" và một lần về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đã được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:*"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 500.000.000 đồng*...". Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy mẫu ma túy do cơ quan giám định hoàn lại.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Vertu Trung Quốc màu đen vàng, đã cũ. S khai nhận sử dụng vào việc liên lạc để mua ma túy.

[6] Đối với người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ là người bán ma túy cho S ngày 31/12/2019. Quá trình điều tra đến nay không xác định được danh tính, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức S (tên gọi khác T) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức S (tên gọi khác T) 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy mẫu trả A1 = 0,1383 gam và toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn lại.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Vertu Trung Quốc màu vàng đen, đã cũ.

Tất cả vật chứng nêu trên đều có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đức S (tên gọi khác T) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Lưu HS; bộ phận theo dõi THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung